

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-PT

Ngày: 25-5-2021

V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Hồng Luyến

Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 103A/TB-TA ngày 11/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2021/QĐ-PT ngày 22/4/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 146/2021/QĐTNPT-DS ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn H: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 (có mặt). Địa chỉ: 101, đường A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ

- Bị đơn: Chị Trương Tú A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền của chị Trương T A: anh Nguyễn Huy V, sinh năm 1986. Địa chỉ: 12/8/22, Khu phố 4, đường số 8, phường H, Thành phố Đ - Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trung K: Nguyễn Huy V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 12/8/22, Khu phố 4, đường số 8, phường H, Thành phố Đ - Thành phố H.

2. Anh Lưu Kỳ Đức N1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 437 A, ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đ.

Những người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 1994

2. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: 5C, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

- *Người kháng cáo: bị đơn chị Trương Tú A*

(Anh H, bà N, anh N1, anh V, chị H1, anh B - có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn H do đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Anh Ngô Văn H và anh Lưu Kỳ Đức N là bạn đồng nghiệp. Anh N có mối quan hệ quen biết với chị Trương Tú A. Anh N đã nói với anh H có tiền thì cho chị Tú A vay để chị Tú A đáo hạn ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng B, sau đó sẽ vay tại Ngân hàng N rồi trả lại cho anh H. Thời hạn thanh toán là một đến hai ngày nên anh H đã đồng ý. Ngày 03 tháng 5 năm 2019, anh H đã chuyển khoản vào tài khoản số 0417041000956 của chị Trương Tú A tại Ngân hàng B với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho chị Tú A vay với nội dung chuyển khoản “H cho chị Tú A mượn”.

Sau khi vay tiền thì chị Tú A có đi đáo hạn ngân hàng để vay tiền nhưng sau đó chị Tú A không trả anh H. Vì vậy anh H yêu cầu chị Tú A cùng anh Nguyễn Trung K (chồng) trả cho anh số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Tại các bản tự khai, biên bản lời khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Trương T A do anh Nguyễn Huy V làm đại diện trình bày:

Chị Tú A có nhận tiền thông qua tài khoản số 0417041000956 của mình tại Ngân hàng B với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do anh Ngô Văn H chuyển nhưng chị T A không có bất kỳ một thỏa thuận vay tiền nào với anh H. Nguyên nhân anh H chuyển tiền vào tài khoản của chị T A vì trước đây, anh Nguyễn Thanh B là giám đốc chi nhánh ngân hàng B có nợ của chị số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và anh B có nhắn tin cho chị Tú A là sẽ cho nhân viên chuyển khoản để trả nợ thay cho chị T A. Do đó, chị Tú A thấy có tiền từ anh H chuyển vào tài khoản nhưng chị T A cho rằng đây là tiền anh B trả cho chị. Chị T A không vay tiền của anh H, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ số tiền trên nên chị không đồng ý thanh toán cho anh H số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện của

anh H.

Khi chị nhận được số tiền trên do anh Hoàn chuyển khoản thì chị T A không nói cho anh Nguyễn Trung K (là chồng) biết. Chị T A dùng số tiền nhận từ anh H vào mục đích cá nhân.

- *Tại các bản tự khai, biên bản lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung K do anh Nguyễn Huy V làm đại diện trình bày:*

Anh Nguyễn Trung K là chồng của chị T A nhưng quá trình chị T A làm ăn liên quan tới anh B, anh H và anh N thì anh K không biết; đến khi làm việc tại Tòa án thì anh K mới biết anh H chuyển khoản cho chị T A tiền và khởi kiện đòi lại số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Vì vậy anh K không đồng ý cùng chị T A liên đới thanh toán số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền anh Hoàn chuyển khoản cho chị T A là tiền anh Bình trả nợ cho chị T A, không phải là tiền vay.

Tại các bản tự khai, biên bản lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Đức Kỳ N trình bày:

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, chị Phạm Thị Ngọc H có nhờ anh tìm người cho chị T A vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) (chị H là vợ của anh Nguyễn Thanh B - giám đốc chi nhánh Ngân hàng B) nên anh đã đồng ý tìm người giúp. Anh nói với anh Ngô Văn H có tiền thì cho chị T A vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để chị T A vay tiền để tắt toán khoản vay bên Ngân hàng B, sang N vay tiền, sau đó trả tiền cho anh H; thời hạn vay chỉ 01 đến 02 ngày thì được H đồng ý. Sau đó, anh H đã đi chuyển khoản cho chị T A vay tiền. Chị T A đã nhận được tiền dùng để đáo hạn nhưng sau đó không trả cho anh H như thỏa thuận.

Anh chỉ là người giới thiệu để anh H chuyển khoản cho chị T A vay tiền. Việc vay tiền giữa anh H và chị T A thì anh không liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc tuyên xử:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 184, 326 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn H.

Buộc chị Trương T A và anh Nguyễn Trung K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Ngô Văn H số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn Hoàn về việc buộc chị Trương T A và anh Nguyễn Trung K có nghĩa vụ liên đới thanh toán lãi suất vay của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương T A kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:*

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị T A có quan hệ quen biết với anh N và là khách hàng thân thiết của Ngân hàng B. Anh N hỏi anh H là người cùng làm chung Ngân hàng và chơi thân với nhau có tiền cho chị T A vay 01 tỷ đồng để đáo hạn Ngân hàng, hẹn đáo hạn xong sẽ trả và thống nhất chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng. Chị T A thừa nhận việc anh H chuyển số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản của chị nhưng không thừa nhận việc chị vay mượn tiền của anh Hoàn mà cho rằng số tiền này là anh Nguyễn Thanh B nhờ chuyển để trả nợ. Anh B không thừa nhận việc anh nhờ anh H chuyển tiền trả tiền như trình bày của chị A. Tại cấp phúc thẩm đại diện bị đơn cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại ngày 14/6/2019 giữa chồng chị A với anh H và các tin nhắn để chứng minh anh B nhờ anh H chuyển trả cho chị 01 tỷ đồng. Tuy nhiên, qua xem xét thì các tài liệu nêu trên không thể hiện việc anh B nhờ anh H trả nợ cho chị T A. Kháng cáo của chị T A là không có căn cứ, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của chị T A được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án đã được xác định đúng và đầy đủ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm tố tụng như sau: Theo Bản án sơ thẩm Chủ tọa phiên tòa là thẩm phán Bùi Thị Thanh nhưng biên bản phiên tòa lại ghi thẩm phán Nguyễn Thị Huệ (Bút lục số 115). Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34 ngày 30/7/2020 ghi Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa là ông Hồ Văn Tài và bà Nguyễn Thị Hà (Bút lục số 85). Tại phiên Tòa sơ thẩm, chủ tọa công bố quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 92/2020/QĐ-TĐHTND ngày 07/9/2020 giải thích việc có sự thay đổi hội thẩm là bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa bằng ông Phạm Đức Anh. Tuy nhiên, thực tế xét xử lại Hội thẩm Hồ Phi Công và Phạm Đức Anh. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34 là bà

Phạm Thị Lý, Kiểm sát viên dự khuyết là bà Hoàng Thị Thanh Tâm, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên tham gia là bà Nguyễn Thị Phương Dung. Những nội dung thay đổi này không được Chủ tọa phiên tòa giải thích và hỏi ý kiến của các đương sự.

[4] Tại cấp phúc thẩm, người làm chứng là anh B, chị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nghĩa cung cấp bổ sung nhiều tin nhắn qua zalo và những cuộc ghi âm thể hiện những cuộc nói chuyện giữa các đương sự với nhau về việc cản trở nợ từ anh B sang anh H. Đây là nội dung trao đổi có liên quan đến đoạn ghi âm anh K nói chuyện với anh H, trong đó có nội dung “*Bởi vì anh Bình lúc hôm trước ảnh ở Phan Thiết, em có gọi điện cái buổi khuya đó, anh B xác nhận là ầm em tám trăm tư...*” thể hiện rằng anh H có biết việc thỏa thuận trả nợ thay hoặc cản trở nợ giữa anh B và chị T A. Đây là những chứng cứ mới, cần xác minh nguồn gốc đoạn băng ghi âm và nội dung các tin nhắn zalo để làm rõ anh H biết từ khi nào và có ý kiến phản đối hay không. Đồng thời phải cần thiết phải đưa vợ chồng anh B vào tham gia tố tụng để làm rõ bản chất sự việc. Cần xác minh nguồn gốc và thu thập lại một cách hợp pháp các chứng cứ gồm các tin nhắn zalo do chị T A, anh N, chị H và anh B cung cấp tại Tòa án các cấp, cũng như xác minh nguồn gốc và thu thập lại một cách hợp pháp những đoạn ghi âm theo trình tự được Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại các điều 93, 94 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Những thiếu sót nêu trên không thể khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm nên cần chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện X giải quyết lại theo thủ tục chung.

[6] Án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị T A được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa không phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1, 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trương T A, hủy bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung, án phí và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi tòa án Xuân Lộc giải quyết lại vụ án.

2. Chị Trương T A không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho chị T A 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 4104 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuân Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương